

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST
Ngày 02-02-2021
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Ninh Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Ánh Duyên

2. Ông Nguyễn Văn Trò

- Thư ký phiên toà: Ông Đỗ Trọng Tú - Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê- tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 32/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020, về việc: “Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐXX-ST ngày 04 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Triệu Thị S, Sinh năm: 1981

Địa chỉ: Khu 13, xã Đ, huyện C, Phú Thọ (có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, Sinh năm: 1982

Địa chỉ: Khu 13, xã Đ, huyện C, Phú Thọ (vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/8/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Triệu Thị S trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ ngày 14/11/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng với bố mẹ đẻ của anh L ở tại khu 13, xã Đ, huyện C, thời gian khoảng 01 năm sau thì vợ chồng ở riêng

và làm lao động tự do. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng hoà thuận hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai người luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh L có đánh chửi chị nhiều lần. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên nhủ nhưng anh L không thay đổi. Do mâu thuẫn trầm trọng nên từ tháng 3 năm 2020 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay, hai người sống ly thân, cắt đứt mọi quan hệ không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh L.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/11/2020, bị đơn là anh Nguyễn Văn L trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống của vợ chồng cũng như lời trình bày của chị S. Tuy nhiên theo anh L thì vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc không mâu thuẫn gì, có duy nhất hai lần vợ chồng xảy ra bất hoà với nhau nên đến ngày 12/3/2020 chị S tự ý bỏ đi, anh đã đi tìm gặp để nói chuyện nhưng chị S không quay về. Nay chị S yêu cầu xin ly hôn, quan điểm của anh không đồng ý, với lý do vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, anh muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung.

Về con chung: Chị S và anh L trình bày vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị Cẩm C- S ngày 01/12/2007, Nguyễn Ánh T- S ngày 19/10/2011 và Nguyễn Triệu V- S ngày 10/6/2017. Hiện cháu Nguyễn Triệu V đang ở với chị S, hai cháu C và T đang ở với anh L.

Nếu ly hôn, chị S yêu cầu xin được trực tiếp nuôi 03 con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con, nhưng nếu con có nguyện vọng ở với bố thì chị cũng nhất trí. Quan điểm của anh L, đề nghị giải quyết nuôi con theo quy định của pháp luật và theo nguyện vọng của con.

Quá trình giải quyết vụ án, cháu Nguyễn Thị Cẩm C có đề nghị xin được ở với chị S, cháu Nguyễn Ánh T xin được ở với anh L.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Hai bên trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định:

- Về tố tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày

30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Điều 26 Luật thi hành án dân sự. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Triệu Thị S được ly hôn anh anh Nguyễn Văn L

Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Thị Cẩm C - Sinh ngày 01/12/2007 và Nguyễn Triệu V - Sinh ngày 10/6/2017 cho chị Triệu Thị S trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung là Nguyễn Ánh T - Sinh ngày 19/10/2011 cho anh Nguyễn Văn L trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Chị Triệu Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả Hỏi tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự: Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn có đề nghị xét xử vắng mặt nên vụ án được xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu, đề nghị của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị S và anh L bảo đảm các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên đó là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được khoảng 13 năm thì phát S mâu thuẫn. Kết quả thu thập chứng cứ và lời trình bày của các đương sự cho thấy nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tôn trọng, yêu thương nhau, dẫn đến bất đồng quan điểm, không hòa hợp được. Từ tháng 3 năm 2020 đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến ai, cắt đứt mọi quan hệ. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị S yêu cầu ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận để tránh sự gài buộc không có lợi đối với người phụ nữ. Anh L đề nghị xin được đoàn tụ nhưng trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh không có biện pháp nào nhằm khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng tiếp tục chung sống, hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án mở phiên hòa giải tạo điều kiện để vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh L xin vắng mặt, điều đó chứng tỏ việc xin đoàn tụ của anh L không thực tâm nên đề nghị của anh L không có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả thu thập chứng cứ cho thấy, hiện nay chị S và anh L đều làm lao động tự do, có nơi ở và thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con. Xét thấy đề nghị của hai bên hoàn toàn phù hợp pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con. Hiện tại chị S đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu V (còn nhỏ hơn 3 tuổi). Nguyện vọng của cháu C muốn ở với chị S, cháu T muốn ở với anh L. Do vậy, để đảm bảo sự phát triển toàn diện, ổn định của con chung, cần giao cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu V và cháu C, giao cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, không ai phải cấp dưỡng nuôi con, vì các đương sự không yêu cầu.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Triệu Thị S phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về quan hệ hôn nhân và con chung là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a Khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Triệu Thị S được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

2. *Về con chung:* Giao 02 con chung là Nguyễn Thị Cẩm C - Sinh ngày 01/12/2007 và Nguyễn Triệu V - S ngày 10/6/2017 cho chị Triệu Thị S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

Giao con chung là Nguyễn Ánh T - Sinh ngày 19/10/2011 cho anh Nguyễn Văn L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi)

Không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Các bên có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* Chị Triệu Thị S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003765

ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Chị Triệu Thị S đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- THADS Cẩm Khê;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Ninh Thị Hồng